

Bản án số: 59/2024/LĐ-ST
Ngày 12 - 6 - 2024
V/v “Vô hiệu HĐLĐ & Điều chỉnh tên
trên sổ BHXH”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin
- Bà Nguyễn Thị Rạt

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 54/2024/TLST-LĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST - LĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Chu Thị Hồng L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt);

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH S1. Địa chỉ trụ sở: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông/ bà Prithipal Singh C, Giám đốc. (vắng mặt);

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

3.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An. Trụ sở: số 08 T tránh, phường D, Thành phố T, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S, giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thành L1, Phó Giám đốc BHXH (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn bà Chu Thị Hồng L trình bày:

Từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2012, bà có làm công nhân tại Công ty TNHH S2. Khi làm việc tại Công ty TNHH S3 trong giai đoạn này bà có tham gia bảo hiểm xã hội có số sổ là 8008029507.

Do bản thân không am hiểu pháp luật và mong muốn giúp người bạn tên Trần Thị Thu V không có chứng minh thư nhưng có thể đi làm phụ giúp gia đình nên bà có cho bà V mượn giấy chứng minh nhân dân mang tên bà là Chu Thị Hồng L tham gia giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1 có địa chỉ tại Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2009. Khi làm việc tại Công ty TNHH S1, bà V có tham gia đóng bảo hiểm xã hội mang tên Chu Thị Hồng L có số sổ là 8009004019. Từ đó bà không thể hưởng được tiền bảo hiểm xã hội mà bà đã tham gia theo số sổ là 8008029507.

Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Chu Thị Hồng L (do bà Trần Thị Thu V làm việc) với Công ty TNHH S1 có số sổ bảo hiểm là 8009004019 từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2009;

2/ Điều chỉnh tên Chu Thị Hồng L trên sổ BHXH số 8009004019 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2009 tại Công ty TNHH S1 thành tên Trần Thị Thu V.

Bị đơn Công ty TNHH S1: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu V có văn bản trình bày: Do bà không có giấy tờ tùy thân nên có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Chu Thị Hồng L để vào làm việc tại Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2009. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Hồng L đối với việc giải quyết vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà với Công ty TNHH S1, bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD, BNN), Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Long An cung cấp thông tin về thời gian đóng BHXH, BHTN của bà Chu Thị Hồng L từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2009 trên số sổ bảo hiểm 8009004019 tại Công ty TNHH S1, bà chưa hưởng trợ cấp BHXH một lần đối với sổ trên.

Đối với trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để đi làm, việc điều chỉnh nhân thân người lao động trên sổ BHXH đối với khoản thời gian mượn hồ sơ tư pháp để đi làm sẽ được BHXH tỉnh L thực hiện hiệu chỉnh trên cơ sở quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật mà Tòa án đã tuyên và thành phần hồ sơ theo quy định được người lao động cung cấp;

BHXH tỉnh L không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị Hồng L về việc Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Chu Thị Hồng L (do bà Trần Thị Thu V thực hiện) với Công ty TNHH S1 từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2009 trên sổ sổ bảo hiểm 8009004019; Điều chỉnh sổ bảo hiểm số 8009004019 từ bà Chu Thị Hồng L thành tên Trần Thị Thu V. Bởi vì thực tế bà Chu Thị Hồng L không phải là người lao động mà là do bà Trần Thị Thu V mới là người lao động tại Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2009.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Hồng L nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH S1 có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Chu Thị Hồng L người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH S1 là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bà Trần Thị Thu V và BHXH tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Chu Thị Hồng L khởi kiện hủy hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến 02/2009 vì bà L cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo là còn trong thời hiệu

khởi kiện; bà Chu Thị Hồng L có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà có nộp đơn khởi kiện, căn cước công dân và giấy ủy quyền.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật lao động 2019 và Bộ luật tố tụng 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu. Các đương sự thừa nhận đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy bà Trần Thị Thu V mượn chứng minh thư mang tên Chu Thị Hồng L để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2009 tại Công ty TNHH S1 có số sổ bảo hiểm 8009004019. Trong khi đó Chu Thị Hồng L cũng tham gia lao động tại Công ty TNHH S3 trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến tháng 02/2012. Khi làm việc tại Công ty TNHH S3 trong giai đoạn này bà Chu Thị Hồng L có tham gia bảo hiểm xã hội có số sổ là 8008029507. Nay bà L không được hưởng tiền bảo hiểm của chính mình là sổ BHXH số 8008029507 nên có yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Chu Thị Hồng L (do bà Trần Thị Thu V thực hiện) tại Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến 01/2009 là có căn cứ. Bởi vì đối tượng lao động thực sự lao động tại Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến 02/2012 là do bà Trần Thị Thu V không phải là bà Chu Thị Hồng L.

Việc bà Chu Thị Hồng L cho bà Trần Thị Thu V mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm tại Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến 02/2009 là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 do đó việc cần điều chỉnh tên trên sổ số 8009004019 mang tên Trần Thị Thu V là có căn cứ.

Bà Trần Thị Thu V và Công ty TNHH S1 không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Chu Thị Hồng L tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho Công ty TNHH S1 nên Công ty TNHH S1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, Điều 18, Điều 21 và Điều 49 Bộ luật lao động; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Hồng L về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH S1.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Chu Thị Hồng L2 (do bà Trần Thị Thu V thực hiện) với Công ty TNHH S1 từ tháng 12/2008 đến 12/2009;

1.2. Điều chỉnh tên Chu Thị Hồng L trên sổ BHXH số 8009004019 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2009 tại thành tên Trần Thị Thu V.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Chu Thị Hồng L tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Công ty TNHH S1 không phải chịu án phí.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mộng Thúy